

Số: **780** /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày **10** tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thị xã Phổ Yên,
tỉnh Thái Nguyên đến năm 2035**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030; số 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; số 01/2016/TT-BXD ngày 01/02/2016 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật; số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên: số 4109/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2035; số 1869/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 3645/QĐ-UBND ngày 22/11/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2035; các Quyết định phê duyệt điều chỉnh cục bộ: số 904/QĐ-UBND ngày 05/4/2019, số 2882/QĐ-UBND ngày 18/9/2020, số 76/QĐ-UBND ngày 13/01/2021, số 575/QĐ-UBND ngày 03/3/2021, số 1018/QĐ-UBND ngày 05/4/2021; số 2374/QĐ-UBND ngày 09/7/2021; số 3124/QĐ-UBND ngày 01/10/2021; số 721/QĐ-UBND ngày 06/4/2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 598/TTr-SXD ngày 13/3/2023 (kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 596/SXD-QHKT ngày 10/3/2023) và Văn bản số 870/SXD-QHKT ngày 06/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2035 với nội dung chính như sau:

1. Địa điểm điều chỉnh quy hoạch: Điều chỉnh cục bộ quy hoạch tại 11 khu vực thuộc các phường: Tiên Phong; Tân Hương; Đắc Sơn; Hồng Tiến; Nam Tiến; Đồng Tiến; Bãi Bông và xã Minh Đức, thành phố Phổ Yên.

2. Nội dung điều chỉnh quy hoạch

2.1. Phường Tiên Phong (điều chỉnh 04 khu vực)

2.1.1. Khu vực 1 (thuộc ô đất ký hiệu V.31, V.32, V.33, V.34, V.35, V.36, V.37, V.38)

- Quy mô: 160,94ha.

- Ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch: Phía Đông giáp huyện Phú Bình; phía Tây giáp suối, đất cây xanh công cộng đô thị, đất ở hiện trạng; phía Nam giáp đường Vành đai V; phía Bắc giáp đất cây xanh công cộng đô thị, đất giáo dục, đất khu dân cư hiện trạng và huyện Phú Bình.

- Quy hoạch sử dụng đất: Điều chỉnh 27,41ha đất trung tâm đa chức năng, 11,58ha đất đa chức năng phát triển mới, 0,47ha đất khu dân cư hiện trạng, 6,06ha đất trung tâm dự trữ phát triển, 12,32ha đất công trình giáo dục, đất công nghiệp, 37,06ha đất cây xanh công cộng đô thị, 4,87ha đất cây xanh thể dục thể thao công cộng, 6,03ha mặt nước, 10,33ha đất giao thông thành 91,98ha đất công nghiệp, 24,15ha đất đơn vị ở.

- Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

+ Điều chỉnh cắt giảm các tuyến đường quy hoạch mặt cắt ngang ký hiệu 6-6 (lộ giới 22m) và 7-7 (lộ giới 16m) theo quy hoạch sử dụng đất sau điều chỉnh.

+ Cắt giảm các tuyến cống kích thước 1000x1000 (chiều dài tuyến cống 687m); 1000x1000-1000x1500 (chiều dài tuyến cống 1.177m); 800x800 (chiều dài tuyến cống 497m).

+ Điều chỉnh: Tuyến cống kích thước 600x600 (chiều dài tuyến cống 460m) thành 2000x2500, hướng thoát nước sau điều chỉnh từ phía Đông sang phía Tây và kéo dài đến suối Rẽo (chiều dài tuyến cống 869m); tuyến cống kích thước 1500x1500 (chiều dài tuyến cống 460m) thành 2000x2500; tuyến cống kích thước 1000x1500 (chiều dài tuyến cống 1.010m) thành 1500x1500; tuyến cống kích thước 800x800 (chiều dài tuyến cống 518m) thành 1000x1000 (chiều dài tuyến cống 823m); tuyến cống kích thước 800x800 (chiều dài tuyến cống 456m) thành 1500x1500 (chiều dài tuyến cống 857m).

+ Cắt giảm 01 vị trí cửa xả giao giữa tuyến cống kích thước 600x600 (chiều dài tuyến cống 467m) và 1500x1500 (chiều dài tuyến cống 460m).

2.1.2. Khu vực 2, 3, 4 (thuộc các ô đất ký hiệu là V.3, V.4, V.5, V.6; VII.9; VII.1 - khu vực không gian tổng thể Khu di tích Lý Nam Đế)

a) Nội dung điều chỉnh Khu vực 2 (thuộc ô đất ký hiệu V.3, V.4, V.5, V.6):

- Quy mô: 48,43ha.

- Ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch: Phía Đông giáp đường quy hoạch mặt cắt ngang ký hiệu 4'-4'; phía Tây giáp đất cây xanh đô thị, đất cây xanh thể dục thể thao công cộng; phía Nam giáp đường quy hoạch mặt cắt ngang ký hiệu 4-4; phía Bắc giáp đường quy hoạch mặt cắt ngang ký hiệu 6-6.

- Quy hoạch sử dụng đất: Điều chỉnh 12,62ha đất trung tâm đa chức năng, 6,59ha đất công trình giáo dục, 6,14ha đất cây xanh công cộng đô thị, 4,21ha mặt nước, 3,61ha đất giao thông thành 33,17ha đất di tích.

- Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

+ Điều chỉnh cắt giảm các tuyến đường quy hoạch mặt cắt ngang ký hiệu 6-6 (lộ giới 22m) và 7-7 (lộ giới 16m) theo quy hoạch sử dụng đất sau điều chỉnh.

+ Điều chỉnh tuyến cống kích thước 600x600 (chiều dài tuyến cống 308m) thành cống kích thước 1500x1500 (chiều dài tuyến cống 460m), hướng thoát nước sau điều chỉnh từ phía Đông sang phía Tây và đầu nối vào tuyến cống kích thước 2000x2000 theo quy hoạch chung rồi xả ra hệ thống thoát nước chung của khu vực chảy ra suối Rẽo.

+ Điều chỉnh tuyến cống kích thước 600x600 (chiều dài tuyến cống 308m) thành cống 1000x1500 (chiều dài tuyến cống 391m), hướng thoát nước sau điều chỉnh từ phía Đông sang phía Tây và đầu vào cống 1500x1500 (tuyến cống mới sau điều chỉnh).

+ Cắt giảm tuyến cống kích thước 1000x1500 (chiều dài tuyến cống 344m) đi qua Khu trung tâm Đền Mực thuộc Khu di tích Lý Nam Đế (điều chỉnh hướng thoát nước ra hướng cống kích thước 2000x2000 chảy ra suối Rẽo).

+ Cắt giảm 02 vị trí cửa xả (do điều chỉnh hướng thoát nước hướng từ Đông sang Tây).

b) Nội dung điều chỉnh Khu vực 3 (thuộc ô đất ký hiệu VII.9):

- Quy mô: 5,98ha.

- Ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch: Phía Đông giáp đất đơn vị ở; phía Tây giáp đất đơn vị ở, đất hạ tầng kỹ thuật; phía Nam giáp đất đơn vị ở; phía Bắc giáp đường quy hoạch mặt cắt ngang ký hiệu 6-6.

- Quy hoạch sử dụng đất: Điều chỉnh 4,07ha đất đơn vị ở, 0,12ha mặt nước thành 4,19ha đất di tích.

c) Nội dung điều chỉnh Khu vực 4 (thuộc ô đất ký hiệu VII.1):

- Quy mô: 4,94ha.

- Ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch: Phía Đông giáp đường quy hoạch mặt cắt ngang ký hiệu 6-6; phía Tây giáp đất đơn vị ở; phía Nam giáp đất đơn vị ở; phía Bắc giáp đất đơn vị ở.

- Quy hoạch sử dụng đất: Điều chỉnh 3,38ha đất đơn vị ở thành 3,38ha đất di tích.

d) Chức năng sử dụng đất của khu vực sau điều chỉnh (khu vực không gian tổng thể Khu di tích Lý Nam Đế) gồm: di tích, cây xanh, ở, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phải đảm bảo phù hợp theo quy hoạch di tích; việc đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định pháp luật về di tích, xây dựng và pháp luật có liên quan.

2.2. Phường Đồng Tiến và phường Bãi Bông (điều chỉnh 01 khu vực)

Khu vực thuộc ô đất ký hiệu I.6A, I.6B, I.7A, I.7B, I.22, I.23.

- Quy mô: 18,22ha.

- Ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch: Phía Đông giáp đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên; phía Tây giáp đất nông nghiệp - dự trữ phát triển các khu chức năng đô thị, đất dân cư hiện trạng, đất đơn vị ở, suối Rẽo, đất cây xanh công cộng đô thị, đường quy hoạch mặt cắt ngang ký hiệu 9-9; phía Nam giáp đất dân cư hiện trạng, đất đơn vị ở; phía Bắc giáp đất nông nghiệp - dự trữ phát triển các khu chức năng đô thị, đất dân cư hiện trạng.

- Quy hoạch sử dụng đất: Điều chỉnh 0,97ha đất nông nghiệp - dự trữ phát triển các khu chức năng đô thị, 0,32ha đất khu dân cư hiện trạng, 2,57ha đất cây xanh công cộng đô thị, 0,15ha mặt nước thành 2,46ha đất đơn vị ở, 0,69ha đất giao thông, 0,86ha đất cây xanh cách ly.

- Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

+ Điều chỉnh vị trí tuyến đường quy hoạch mặt cắt ngang ký hiệu 6-6 (tuyến số 1).

+ Điều chỉnh tuyến đường gom của đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên (tuyến số 2) đảm bảo hành lang an toàn đường bộ theo quy định và điều chỉnh mặt cắt ngang đường từ 7m lên 16,5m.

+ Tuyến đường quy hoạch mặt cắt ngang ký hiệu 7-7 (tuyến số 3): điều chỉnh mặt cắt ngang đường 16,5m lên 19,5m.

+ Điều chỉnh vị trí đầu nối của tuyến đường quy hoạch mặt cắt ngang ký hiệu 8-8 (dọc suối Rẽo) vào tuyến đường quy hoạch mặt cắt ngang ký hiệu 6-6 (tuyến số 3).

2.3. Phường Nam Tiến (điều chỉnh 02 khu vực)

2.3.1. Khu số 1 (thuộc ô đất ký hiệu III.5A, III.5B)

- Quy mô: 3,73ha.

- Ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch: Phía Đông giáp đường sắt Đông Anh - Quan Triều, đất đơn vị ở; phía Tây giáp Quốc lộ 3, đất đơn vị ở; phía Nam giáp đất đơn vị ở; phía Bắc giáp tuyến đường trục liên kết vùng Bắc Giang - Thái Nguyên - Vĩnh Phúc.

- Quy hoạch sử dụng đất: Điều chỉnh 0,02ha đất khu dân cư hiện trạng, 0,63ha mặt nước, 0,02ha đất giao thông thành 0,37ha đất đơn vị ở, 0,3ha đất cây xanh cách ly.

- Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

+ Điều chỉnh vị trí tuyến đường quy hoạch mặt cắt ngang ký hiệu 6-6 (tuyến số 4) đoạn từ Quốc lộ 3 đến đường sắt Đông Anh - Quan Triều dịch xuống phía Nam.

+ Điều chỉnh hướng tuyến đường quy hoạch mặt cắt ngang ký hiệu 6-6 (tuyến số 5) từ Quốc lộ 3 đi đường sắt Đông Anh - Quan Triều (giữ nguyên vị trí nút giao với Quốc lộ 3 và đường sắt Đông Anh - Quan Triều).

+ Điều chỉnh dịch chuyển vị trí tuyến mương hở (song song đường sắt Đông Anh - Quan Triều) sang phía Đông, điều chỉnh mương hở bằng hệ thống cống 2000x2000.

2.3.2. Khu số 2 (thuộc ô đất ký hiệu III.7A, III.8A, III.8B)

- Quy mô: 37,11ha.

- Ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch: phía Đông giáp đường quy hoạch mặt cắt ngang ký hiệu 3-3; phía Tây giáp đường quy hoạch mặt cắt ngang ký hiệu 5-5; phía Nam giáp tuyến đường trục liên kết vùng Bắc Giang - Thái Nguyên - Vĩnh Phúc; phía Bắc giáp đường quy hoạch mặt cắt ngang ký hiệu 6-6.

- Quy hoạch sử dụng đất: Điều chỉnh 20,74ha đất khu dân cư hiện trạng, 2,65ha đất sản xuất nông nghiệp, 8,86ha đất nông nghiệp - dự trữ phát triển các khu chức năng đô thị, 1,33ha đất trung tâm khu vực thành 0,16ha mặt nước, 0,03ha đất cây xanh cách ly, 30,45ha đất đơn vị ở, 1,54ha đất công trình giáo dục, 0,19ha đất cơ quan, 0,09ha đất trung tâm y tế, 1,12ha đất công trình văn hoá.

- Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Điều chỉnh vị trí tuyến mương hở dọc theo tuyến đường quy hoạch mặt cắt ngang ký hiệu 6-6 xuống phía Nam đảm bảo thoát nước chung cho khu vực.

2.4. Phường Đắc Sơn và xã Minh Đức (điều chỉnh 01 khu vực)

Khu vực thuộc ô đất ký hiệu đất dân cư hiện trạng, đất nông nghiệp, đất nghĩa trang.

- Quy mô: 28,32ha.

- Ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch: Phía Đông và phía Bắc giáp đường ĐT.261; phía Tây và phía Nam giáp đất sản xuất nông nghiệp, đất dân cư hiện trạng.

- Quy hoạch sử dụng đất: Điều chỉnh 0,56ha đất khu dân cư hiện trạng, 0,06ha đất làng xóm, 26,61ha đất sản xuất nông nghiệp, 0,14ha đất giao thông thành 1,31ha đất hạ tầng kỹ thuật, 26,06ha đất đơn vị ở.

- Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Điều chỉnh cắt giảm tuyến đường quy hoạch mặt cắt ngang ký hiệu 9-9 đảm bảo quy định về mức độ thể hiện trong đồ án quy hoạch chung theo quy chuẩn.

2.5. Phường Tân Hương (điều chỉnh 01 khu vực)

Khu vực thuộc ô đất ký hiệu VI.4, VI.5, VI.6, VI.7, VI.8, VI.9, VI.14, VI.15

- Quy mô: 15,97ha.

- Ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch: Phía Đông giáp tuyến đường trục liên kết vùng Bắc Giang - Thái Nguyên - Vĩnh Phúc; phía Tây giáp đất đơn vị ở, đất cây xanh công cộng đô thị, đất ở hiện trạng; phía Nam giáp đường quy hoạch mặt cắt ngang ký hiệu 6-6; phía Bắc giáp đường Vành đai 5, khu dân cư Tân Đức.

- Quy hoạch sử dụng đất: Điều chỉnh 0,04ha đất cây xanh công cộng đô thị, 0,06ha đất cây xanh cách ly, 0,75ha đất giao thông thành 0,53ha đất đơn vị ở, 0,32 ha đất dân cư hiện trạng.

- Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

+ Điều chỉnh vị trí tuyến đường quy hoạch mặt cắt ngang ký hiệu 3-3 (tuyến số 6) dịch sang phía Đông trung bình 0,5m.

+ Điều chỉnh tuyến đường quy hoạch mặt cắt ngang ký hiệu 3-3 (tuyến số 7) lộ giới từ 30m xuống 19,5m.

+ Điều chỉnh vị trí tuyến đường quy hoạch mặt cắt ngang ký hiệu 6-6 (tuyến số 8).

+ Điều chỉnh vị trí nút giao giữa tuyến đường quy hoạch mặt cắt ngang ký hiệu 6-6 với tuyến đường trục liên kết vùng Bắc Giang - Thái Nguyên - Vĩnh Phúc (tuyến số 9).

+ Điều chỉnh hệ thống thoát nước theo tuyến đường đã điều chỉnh.

2.6. Phường Hồng Tiến (điều chỉnh 01 khu vực)

Khu vực thuộc ô đất ký hiệu IX.1.

- Quy mô: 3,91ha.

- Ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch: Phía Đông giáp đất nông nghiệp - dự trữ phát triển các khu chức năng đô thị; phía Tây giáp đất cây xanh cách ly, đất nông nghiệp - dự trữ phát triển các khu chức năng đô thị và đất dân cư hiện trạng; phía Nam giáp đất khu dân cư hiện trạng và đường quy hoạch mặt cắt ngang ký hiệu 4-4 và đường ĐT.261; phía Bắc giáp huyện Phú Bình.

- Quy hoạch sử dụng đất: Điều chỉnh 0,05ha đất giao thông thành 0,05ha đất khu dân cư hiện trạng.

- Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Điều chỉnh hướng tuyến đường quy hoạch mặt cắt ngang ký hiệu 4-4 đoạn từ đường ĐT.261 đến ranh giới huyện Phú Bình.

2.7. Xã Minh Đức (điều chỉnh 01 khu vực)

Khu vực thuộc ô đất ký hiệu đất ở làng xóm, mặt nước, đất nông nghiệp, đất nghĩa trang, đất lâm nghiệp.

- Quy mô: 51,52ha.

- Ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch: Phía Đông giáp nương tưới, đất rừng sản xuất, đất sản xuất nông nghiệp; phía Tây giáp đất rừng sản xuất, đất sản xuất công nghiệp; phía Nam giáp đất rừng sản xuất, đất sản xuất nông nghiệp, đường giao thông; phía Bắc giáp đất sản xuất nông nghiệp.

- Quy hoạch sử dụng đất: Điều chỉnh 3,51ha đất làng xóm, 10,37ha đất sản xuất nông nghiệp, 17,74ha đất lâm nghiệp (rừng sản xuất) thành 30,76ha đất nghĩa trang, 0,86ha đất giao thông.

- Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Điều chỉnh vị trí tuyến đường quy hoạch mặt cắt ngang ký hiệu 9-9, điều chỉnh mặt cắt ngang từ 9,0m lên 19,5m.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

1. UBND thành phố Phổ Yên:

- Trong quá trình triển khai thực hiện các dự án tại khu vực điều chỉnh quy hoạch: Về dự án nghĩa trang cần phải đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo quy chuẩn hiện hành, phải xác định thời gian đóng cửa hoặc cải tạo theo quy định; về dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh thực hiện theo quy định pháp luật về di sản, quy hoạch, đầu tư, xây dựng, đất đai và các quy định có liên quan; dự án liên quan đến đường Vành đai 5 - Vùng Thủ đô Hà Nội phải đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Quy mô và phạm vi ranh giới các khu chức năng đô thị, hạ tầng kỹ thuật sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch cấp dưới và lập dự án đầu tư.

- Chỉ đạo cập nhật và thể hiện các nội dung điều chỉnh cục bộ quy định tại Điều 1 Quyết định này vào hồ sơ đề án Quy hoạch chung thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2035, đồng thời tổ chức công bố công khai đề án điều chỉnh quy hoạch theo quy định.

- Tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch liên quan phù hợp với điều chỉnh quy hoạch chung được duyệt.

- Chỉ đạo tổ chức thực hiện quy hoạch tuân thủ quy định pháp luật về an ninh, quốc phòng, quy hoạch, xây dựng, đất đai, đầu tư, môi trường, nông nghiệp, lâm nghiệp và các quy định liên quan.

2. Sở Xây dựng, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn UBND thành phố Phổ Yên tổ chức thực hiện theo quy định pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên; Chủ tịch UBND thành phố Phổ Yên và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNN&XD, TH.
tuantt.qd/t4



Trịnh Việt Hùng